

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUÂN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

2. Ông Nguyễn Thanh Tùng

Ngày 12/7/2016, bà Nguyễn Thị Hồng P có ký với Ngân hàng TMCP Sài Gòn T (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà P, Ngân hàng đã đồng ý cấp Thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 15.000.000đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất: 2,5%/tháng, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Từ ngày kích hoạt thẻ 31/7/2016 đến ngày 31/5/2017, bà P đã 5 lần giao dịch với tổng số tiền giao dịch là 30.443.262đồng, bà P đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 23.549.200đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng bà P vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà P vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 01/6/2017 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ số dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 27/3/2020, bà P còn nợ Ngân hàng các khoản sau: Nợ gốc: 10.661.060đồng; Lãi quá hạn: 14.228.356đồng; Tổng cộng: 24.889.416đồng, lãi phát sinh được tiếp tục tính cho đến khi bà P trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng. Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu bà P thanh toán, tuy nhiên bà P vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với tiền lãi, lãi được tiếp tục tính đến ngày xét xử 08/12/2020 là 17.639.812. Tổng cộng cả nợ gốc và lãi tính đến ngày 08/12/2020 là 28.300.872đồng, lãi phát sinh được tiếp tục tính từ ngày 09/12/2020 cho đến khi bà P trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận Hải Châu đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đối với bà Nguyễn Thị Hồng P đến Tòa án để lấy lời khai, Mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên bà Phước đều không có mặt và không có lý do về việc vắng mặt nên không lấy được lời khai và hòa giải về nội dung tranh chấp trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Hồng P hiện có đăng ký hộ khẩu và cư trú tại địa chỉ 73 Mai A, phường Thuận P, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Do đó, Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành cấp, tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa đúng theo qui định tại khoản 2 Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng bà P vẫn không có mặt tại Tòa án nhân dân quận Hải Châu để giải quyết vụ án

theo quy định của pháp luật. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Hồng P.

[3] Về nội dung vụ án: Ngày 12/7/2016, bà Nguyễn Thị Hồng P đã ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng (gọi tắt là hợp đồng tín dụng) với Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T (gọi tắt là Ngân hàng). Hạn mức sử dụng là 15.000.000đồng, lãi suất 2,5%/tháng, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Hồng P phải thanh toán số tiền nợ gốc là: 10.661.060đồng, lãi quá hạn tính từ ngày 30/6/2017 đến ngày 08/12/2020 là 17.639.812đồng, tổng cộng tiền gốc và lãi là 28.300.872đồng, lãi tiếp tục tính từ ngày 09/12/2020 đến khi bà P thanh toán hết số nợ vay theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng ký ngày 12/7/2016.

Tại phiên tòa, bị đơn là bà P vắng mặt, nhưng tại hồ sơ vụ án thể hiện bà P có ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 12/7/2016 với Ngân hàng TMCP Sài Gòn T và số nợ như Ngân hàng yêu cầu.

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thì thấy: Từ 30/6/2017 cho đến nay bà P không thanh toán cho Ngân hàng, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở, như vậy bà P đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ hàng tháng qui định tại Điều 23 trong Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP Sài Gòn T mà bà P đã ký kết với Ngân hàng ngày 12/7/2016. Đối với yêu cầu thay đổi thời gian tính lãi và tiền lãi của Ngân hàng là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc bà P phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là: 10.661.060đồng (Mười triệu sáu trăm sáu mươi ngàn không trăm sáu mươi đồng), lãi quá hạn tính đến ngày 08/12/2020 là 17.639.812đồng (Mười bảy triệu sáu trăm ba chín ngàn tám trăm mười hai đồng), tổng cộng tiền gốc và lãi là 28.300.872đồng (Hai mươi tám triệu ba trăm ngàn tám trăm bảy mươi hai đồng), lãi được tiếp tục tính từ ngày 09/12/2020 đến khi bà P thanh toán dứt điểm số nợ vay theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng ngày 12/7/2016 như Ngân hàng yêu cầu là hoàn toàn có cơ sở, phù hợp với Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: bà Nguyễn Thị Hồng P phải chịu theo qui định của pháp luật là: $28.300.872\text{đồng} \times 5\% = 1.415.043\text{đồng}$.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn T.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự
- Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự;
- Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

- Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T đối với bà Nguyễn Thị Hồng P.

Xử:

1. Buộc bà Nguyễn Thị Hồng P phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T số tiền nợ gốc: 10.661.060đồng (*Mười triệu sáu trăm sáu một ngàn không trăm sáu mươi đồng*), nợ lãi: 17.639.812đồng (*Mười bảy triệu sáu trăm ba chín ngàn tám trăm mười hai đồng*), tổng cộng: 28.300.872đồng (*Hai mươi tám triệu ba trăm ngàn tám trăm bảy hai đồng*).

Lãi được tiếp tục tính từ ngày 09/12/2020 đến khi bà P thanh toán hết nợ vay theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng ký ngày 12/7/2016.

2. Án phí dân sự sơ thẩm bà Nguyễn Thị Hồng P phải chịu là: 1.415.043đồng (*Một triệu bốn trăm mười lăm ngàn không trăm bốn ba đồng*).

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T số tiền tạm ứng án phí 622.235đồng (*Sáu trăm hai hai ngàn hai trăm ba lăm đồng*) theo biên lai thu số 9202 ngày 19/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Hải Châu;
- CCTHADS quận Hải Châu;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thanh Anh